

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2025/DS-PT
Ngày 31 - 3 - 2025
V/v tranh chấp đòi lại tài sản là
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Chương và ông Nguyễn Thế Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trí - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa:

Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 30-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắc Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 80/2024/QĐ-PT ngày 18-11-2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 102A/11/18 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường N, thành phố G, tỉnh Đắc Nông - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Hồ Đức Đ (vắng mặt), sinh năm 1960 và bà Phạm Thị B (có mặt), sinh năm 1978; cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Đắc Nông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Huy H, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV TT và Cộng sự - Đoàn Luật sư tỉnh Đắc Lắc; địa chỉ: Số 73 Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc - Có mặt tại phiên tòa và vắng mặt khi tuyên án.

3. *Người làm chứng:*

3.1. Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 51 N, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắc Nông - Có mặt tại phiên tòa và vắng mặt khi tuyên án.

3.2. Ông Nguyễn Viết P, sinh năm 1977; địa chỉ: Bon U, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

Do có kháng cáo của bà Phạm Thị B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Nguyễn Thị Đ và ông Hồ Đức Đ xây dựng kinh tế mới tại xã N từ năm 1988. Tháng 3-1990, ông Đ, bà Đ sinh được 02 người con Hồ Thị T, sinh năm 1991 và Hồ Đức T, sinh năm 1993 ở tại thôn 03, xã N, huyện C nay là thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Năm 1993, gia đình bà được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện Cư C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) mang tên ông Hồ Đức Đ.

Năm 1996, ông Hồ Đức Đ và bà Nguyễn Thị Đ ly hôn nên tài sản và con cái được phân chia theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 12/QĐTTLH ngày 23-10-1996 của Tòa án nhân dân huyện C.

Năm 1998, ông Hồ Đức Đ và bà Nguyễn Thị Đ đoàn tụ với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn. Năm 2000 tình cảm vợ chồng lại đổ vỡ, ông Hồ Đức Đ và bà Nguyễn Thị Đ tiếp tục đề nghị Tòa án giải quyết. Tòa án nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 05/QĐ-TA ngày 31-5-2000 chia tài sản phát sinh sau ly hôn (đất ở và tài sản trên đất cùng các con Tòa án đã chia, nay không chia).

Trong cuộc sống hai nhà gần nhau bà Nguyễn Thị Đ thường xuyên bị ông Hồ Đức Đ chửi, dọa chém giết, để đảm bảo công tác giảng dạy tại trường cấp 2 nên bà Nguyễn Thị Đ tạm lánh đi ở tập thể cùng với các giáo viên khác tại Trại xá xã N, hai con Hồ Thị T và Hồ Đức T ở nhà gỗ của bà Nguyễn Thị Đ.

Năm 2001, ông Hồ Đức Đ kết hôn với vợ mới Phạm Thị B, sinh năm 1978. Sau khi kết hôn với bà B thì tình cảm cha con không hòa thuận, ông Hồ Đức Đ gửi anh Hồ Đức T về ông bà nội ở Nghệ An... con gái Hồ Thị T ở tập thể với bà Nguyễn Thị Đ. Ông Hồ Đức Đ không cho bà Nguyễn Thị Đ tách GCNQSDĐ, ông Hồ Đức Đ cam kết ông thu hoạch, giữ đất sau này tách cho chị Hồ Thị T và anh Hồ Đức T, bà Nguyễn Thị Đ nghĩ nhà và đất của mình được Tòa án công nhận thế là được.

Năm 2011, anh Hồ Đức T học xong lớp 12 thì vào ở với ông Hồ Đức Đ tại thôn T, xã N hiện nay.

Năm 2012, ông Đ hay bị ốm đến năm 2016 ông Hồ Đức Đ bị kết luận mất trí nhớ. Năm 2017, anh Hồ Đức T học xong đại học, chuẩn bị xây dựng gia đình,

bà Nguyễn Thị Đ đến gặp ông Hồ Đức Đ, bà Phạm Thị B để lấy GCNQSDĐ mang tên Hồ Đức Đ cấp năm 1993 đi tách thửa chuẩn bị cho anh Hồ Đức T lập gia đình, ông Hồ Đức Đ bị bệnh, bà Phạm Thị B không Đ ý.

Tháng 8-2018, bà Đ viết đơn gửi đến UBND xã N trình bày sự việc trên, mới biết GCNQSDĐ số B 169221 mang tên Hồ Đức Đ (cấp năm 1993) thay thế bằng GCNQSDĐ mang tên ông Hồ Đức Đ và bà Phạm Thị B cấp năm 2013. Bà Nguyễn Thị Đ viết đơn gửi đến UBND xã N đề nghị xem xét việc cấp GCNQSDĐ mang tên ông Hồ Đức Đ và bà Phạm Thị B.

Ngày 04-6-2019, bà Đ viết đơn gửi đến UBND huyện Cư Jút đề nghị hủy GCNQSDĐ số BL 876643 cấp năm 2013 cho ông Hồ Đức Đ và bà Phạm Thị B vì bà B (vợ sau của ông Đ) không đứng tên trong tài sản nói trên, tài sản của ông Hồ Đức Đ và bà Nguyễn Thị Đ được phân chia năm 1996.

Ngày 21-4-2020, UBND huyện C ban hành Quyết định số 697/QĐ-UBND về việc hủy tính pháp lý của GCNQSDĐ số BL 876643 cấp ngày 08-4-2013 mang tên ông Hồ Đức Đ và bà Phạm Thị B.

Sau khi nhận được Quyết định số 697/QĐ-UBND, ngày 03-9-2020 bà Đ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Cư Jút làm thủ tục cấp GCNQSDĐ theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 12/QĐTTLH ngày 23-10-1996 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.

Ngày 22-9-2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cư Jút ban hành Thông báo số 850/TB-TNMT trả lời nội dung cho bà Đ bằng việc hướng dẫn hộ ông Hồ Đức Đ đến UBND xã N làm thủ tục đề nghị cấp GCNQSDĐ trong khi đó ông Hồ Đức Đ và bà Nguyễn Thị Đ đã ly hôn, bà Nguyễn Thị Đ không còn trong hộ gia đình ông Hồ Đức Đ nên không làm được.

Ngày 07-6-2021, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C ban hành Quyết định số 54/TB-TNMT thông báo với nội dung: Bà Nguyễn Thị Đ cung cấp hồ sơ, giấy tờ liên quan đến thửa đất đang khiếu nại tại thôn T, xã N, huyện C cho UBND huyện C để thực hiện thủ tục cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn 12/QĐTTLH ngày 23-10-1996 của Tòa án nhân dân huyện C tuy nhiên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C chưa giải quyết cho bà và hướng dẫn bà nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện C.

Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu ông Hồ Đức Đ và bà Phạm Thị B trả cho bà Nguyễn Thị Đ $\frac{1}{2}$ lô đất thổ cư diện tích 950m², 01 căn nhà gỗ lợp ngói diện tích 48m² tọa lạc tại thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông theo GCNQSDĐ số B 169221 do UBND huyện C cấp ngày 23-11-1993.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hồ Đức Đ và bà Phạm Thị B (bà B đại diện cho ông Hồ Đức Đ) trình bày:

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 12/QĐTTLH ngày 23-10-1996 của Tòa án nhân dân huyện C và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 05/QĐ-TA ngày 31-5-2000 về kiện chia tài sản phát sinh sau ly hôn của Tòa án nhân dân huyện C thì:

Bà Nguyễn Thị Đ được quyền sử dụng và định đoạt một số tài sản sau: ½ lô đất thổ cư diện tích 950m² cùng 01 căn nhà gỗ lợp ngói diện tích 48m², phía Đông giáp lô thổ cư ông Th, phía Nam giáp thổ cư bà B1, phía Tây giáp suối cạn, phía Bắc giáp thổ cư ông Hồ Đức Đ; số tiền 30.000.000 đồng gửi ngân hàng; số tiền 2.700.000 đồng chú H mượn, số tiền 500.000 đồng chú B2 mượn, số tiền 200.000 đồng cô Th1 mượn; 01 bể nước và sân; 95 trụ tiêu.

Ông Hồ Đức Đ được quyền sử dụng và định đoạt một số tài sản sau: 01 xe Da Lim biển kiểm soát 47F9-0851; 08 sào đất rẫy tọa lạc tại Thôn 12, xã N, huyện C; 01 tivi hiệu Sony và 01 tủ đựng tivi; 01 giường đôi và 6.100.000 đồng tiền ông Hồ Đức Đ cho mượn riêng. Đến hết ngày 21-5-2000, ông Hồ Đức Đ có trách nhiệm tháo dỡ 01 nhà bếp, 01 chuồng heo hiện đang nằm trên phần đất thổ cư của bà Nguyễn Thị Đ.

Sau khi quyết định của Tòa án nhân dân huyện C có hiệu lực. Ông Hồ Đức Đ và bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu thi hành án về việc phân chia tài sản. Sau đó, Chi cục Thi hành án huyện C có quyết định thi hành án. Ngày 27-10-2000, giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Hồ Đức Đ thỏa thuận giao tài sản để thi hành án. Việc thỏa thuận được lập bằng văn bản tại Chi cục Thi hành án huyện C, theo đó:

Ông Hồ Đức Đ giao lại cho bà Nguyễn Thị Đ sở hữu và định đoạt 01 chiếc xe máy Da Lim (Hàn Quốc) biển số 47F9-0851 với giá 18.000.000 đồng, cộng 10.000.000 đồng còn nợ ngân hàng ông Hồ Đức Đ phải trả. Cộng tiền mặt và các khoản khác 6.000.000 đồng, trị giá tổng cộng 34.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Đ giao lại lô đất thổ cư diện tích 950m² cùng 01 căn nhà gỗ lợp ngói diện tích 48m², phía đông giáp lô đất ông Th, phía Nam giáp thổ cư bà B1, phía Tây giáp suối cạn, phía Bắc giáp thổ cư ông Đ cho ông Hồ Đức Đ.

Đến nay, hơn 20 năm các bên đã hoàn thành nghĩa vụ theo thỏa thuận, ông Đ đã thanh toán tiền ngân hàng, bà Nguyễn Thị Đ đã lấy tài sản thỏa thuận và cam kết không còn vướng mắc về tài sản đối với bên còn lại. Bà Nguyễn Thị Đ giao nhà và đất cho ông Hồ Đức Đ quản lý, sử dụng liên tục không tranh chấp, bà B và ông Đ xây dựng và mở rộng diện tích nhà trên đất mà bà Nguyễn Thị Đ đã giao, ông Hồ Đức Đ thực hiện cấp đổi GCNQSDĐ nêu trên.

Như vậy, các tài sản nêu trên được cơ quan có thẩm quyền giải quyết bằng Quyết định, bản án có hiệu lực của Tòa án và Cơ quan thi hành án. Vì vậy, bà đề nghị trả lại đơn khởi kiện và đình chỉ giải quyết vụ án nêu trên.

Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 30-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông đã tuyên xử:

“1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ. Buộc ông Hồ Đức Đ và bà Phạm Thị B phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ 840m² đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 169221 do UBND huyện C cấp ngày 23-11-1993 cho ông Hồ Đức Đ (giấy cũ).

Diện tích thửa đất có tứ cận tiếp giáp như sau: Cạnh Đông giáp với thửa đất số 1225, tờ bản đồ số 08 cũ dài 96,6m. Cạnh Tây giáp đất của ông Hồ Đức Đ dài 98,6m. Cạnh Nam giáp đường bê tông dài 8,7m. Cạnh Bắc giáp thửa đất số 110, tờ bản đồ số 08 cũ dài 8,1m. Tổng diện tích 840m² (thể hiện tại mảnh trích đo địa chính ngày 04-3-2024 kèm theo).

2. Tài sản trên đất: Buộc ông Hồ Đức Đ và bà Phạm Thị B phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ: 01 căn nhà gỗ khung cột vuông, nền ván, vách ván, mái lợp ngói, không trần diện tích 51,84m² dựng năm 1991; 01 bể nước móng xây đá hộc, thành xây gạch có tô trát, nền bê tông diện tích 5,7m²; 01 giếng đào sâu 10 m, rộng 1,85 m (giếng hiện tại không sử dụng); cây trồng trên đất: có khoảng 100 trụ gỗ trồng tiêu (tiêu đã chết còn trụ không), phần đất còn lại trồng bắp.

Buộc ông Hồ Đức Đ và bà Phạm Thị B phải phá bỏ: 01 chuồng heo khung cột gỗ vuông, nền xi măng thành xây gạch có tô trát mặt trước, cao 60 phân, bên trong có đóng ván, mái lợp ngói, diện tích 22,62m² và các tài sản khác (nếu có) phát sinh sau ngày 22-7-2022. Ông Hồ Đức Đ và bà Phạm Thị B phải tự chịu mọi chi phí và thiệt hại phát sinh. (tất cả tài sản trên đất theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22-7-2022)”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18-9-2024, bà Phạm Thị B kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ giải quyết vụ án vì vụ việc đã được giải quyết bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ giải quyết vụ án vì vụ việc đã được giải quyết bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

Về thủ tục tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phạm Thị B, hủy Bản án sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 30-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị B kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. *Xét nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo của bị đơn:*

[2.1]. Nguyên đơn căn cứ vào Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 12/QĐTTLH ngày 23-10-1996 của Tòa án nhân dân huyện C, khởi kiện yêu cầu bị đơn phải giao lại $\frac{1}{2}$ diện tích đất 950m², 01 căn nhà gỗ lợp ngói diện tích 48m² tọa lạc tại thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông theo GCNQSDĐ số B 169221 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 23-11-1993. Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện, sau khi Tòa án nhân dân huyện C ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 12/QĐTTLH ngày 23-10-1996. Do các bên không tự nguyện thi hành việc phân chia tài sản theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nêu trên nên bà Nguyễn Thị Đ đã yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật. Ngày 27-10-2000 tại Đội Thi hành án huyện C, chấp hành viên đã lập biên bản giải quyết thi hành án, theo nội dung biên bản các bên đã thỏa thuận được với nhau về việc thi hành án, cụ thể: “Ông Hồ Đức Đ và bà Nguyễn Thị Đ đồng thống nhất và đi đến thỏa thuận như sau: 1) Ông Hồ Đức Đ giao lại cho bà Nguyễn Thị Đ được quyền sở hữu và định đoạt 01 xe máy Dalim (Hàn Quốc) biển số 47F9-0851 với giá 18.000.000 đồng, cộng 10.000.000 đồng còn nợ ngân hàng ông Hồ Đức Đ phải trả. Cộng tiền mặt và các khoản khác 6.000.000 đồng. Trị giá tổng cộng là 34.000.000đ (ba mươi tư triệu đồng y). 2) Bà Nguyễn Thị Đ giao lại cho ông Hồ Đức Đ được quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt 01 căn nhà 48m² (nhà mái lợp ngói nền lát ván) nằm trên đất thổ cư mà theo Quyết định số 13/QĐLH ngày 23-10-1996 đã chia cho bà Nguyễn Thị Đ. Trên đất thổ cư là 950m² có trồng 95 trụ tiêu và 60 cây cà phê. Tổng cộng với giá 34.000.000đ (ba mươi tư triệu đồng y). 3) Phần nôi com

điện, tủ ly, bếp ga, chị Nguyễn Thị Đ nhất trí để lại cho anh Hồ Đức Đ gồm 01 nồi cơm điện, 01 tủ ly. Chị Nguyễn Thị Đ nhận lại 01 bếp ga có chứng kiến của Đội Thi hành án. Các bên đã giải quyết xong. 4) Như vậy kể từ ngày hôm nay anh Hồ Đức Đ được quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt phần nhà và đất thổ cư của chị Nguyễn Thị Đ là căn nhà 48m² đất thổ cư 950m², vị trí tọa lạc nhà và đất thổ cư như sau: phía Đông giáp đất thổ cư ông Th, phía Nam giáp thổ cư bà B, phía Tây giáp đường đi suối cạn, phía Bắc giáp thổ cư anh Hồ Đức Đ. * Phần chị Nguyễn Thị Đ được quyền sở hữu và định đoạt 01 xe máy Dalim Hàn Quốc biển số 47F9-0851. Kể từ ngày hôm nay không bên nào còn vướng mắc về tài sản đối với bên nào. Nếu bên nào sai phải chịu trách nhiệm trước pháp luật”. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Trọng T là Chấp hành viên thi hành theo Quyết định Thi hành án số 22 ngày 06-10-2000 của Đội Thi hành án huyện C đối với Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 12/QĐTTLH ngày 23-10-1996 của Tòa án nhân dân huyện C xác định nội dung trong biên bản giải quyết thi hành án ngày 27-10-2000 là chữ ký và chữ viết của ông (Chấp hành viên Nguyễn Trọng T) và xác nhận con dấu đã đóng trong biên bản là của Đội Thi hành án huyện C.

[2.2]. Như vậy, mặc dù quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh, thu thập hồ sơ thi hành án theo theo Quyết định Thi hành án số 22 ngày 06-10-2000 và biên bản giải quyết thi hành án ngày 27-10-2000 của Đội Thi hành án huyện C nhưng hồ sơ đã bị thất lạc. Tuy nhiên, các tài liệu chứng nêu trên có đủ căn cứ xác định vụ việc giữa các bên đã được Đội Thi hành án huyện C ra Quyết định Thi hành án số 22 ngày 06-10-2000 và đã giải quyết xong theo biên bản giải quyết thi hành án ngày 27-10-2000 là có thật và phù hợp theo quy định tại Điều 22 Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 1993. Việc thất lạc hồ sơ thi hành án là trách nhiệm của cơ quan thi hành án, không làm thay đổi bản chất và sự thật khách quan của vụ án.

Lẽ ra khi nhận đơn khởi kiện, cấp sơ thẩm phải căn cứ điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự trả lại đơn khởi kiện và đình chỉ giải quyết vụ án mới đúng, nhưng cấp sơ thẩm vẫn thụ lý giải quyết và tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn như phần quyết định của bản án sơ thẩm là có sai lầm trong việc đánh giá chứng và áp dụng dụng pháp luật.

[2.3]. Từ những phân tích nêu trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 30-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông theo hướng hủy án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án là phù hợp.

[2.4]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: nguyên đơn phải chịu theo quyết định của bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Phạm Thị B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 308, Điều 311, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, và Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 30-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông và đình chỉ giải quyết vụ án.

2. Về án phí dân sự:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003622 ngày 17-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005262 ngày 24-9-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 9.005.603đ (*chín triệu không trăm linh năm nghìn sáu trăm linh ba đồng*) được trừ 9.005.603đ (*chín triệu không trăm linh năm nghìn sáu trăm linh ba đồng*) đã nộp tạm ứng tại Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. H;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, HSVA, THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Anh Ứng